|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC THỐNG KÊ**CỤC THỐNG KÊ TỈNH AN GIANG**Số: 165 /BC-CTK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***An Giang, ngày* ***28*** *tháng* ***3***  *năm* ***2019.*** |

**BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội**

**Quý I năm 2019**

**1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)**

- Tổng sản phẩm trên địa bàn ước thực hiện quý I/2019 (theo giá so sánh 2010) tăng 6,10% so cùng kỳ năm trước; cao hơn mức tăng của năm trước (cùng kỳ năm 2018 tăng 5,95%) cho thấy kinh tế tỉnh nhà tiếp tục phục hồi rõ nét và dần ổn định qua các năm.

Trong mức tăng 6,10% thì khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 3,01%, cao hơn mức tăng 1,21% của cùng kỳ năm trước; khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 8,40%, thấp hơn mức 9,62% của cùng kỳ năm trước; khu vực dịch vụ tăng 8,08%, hơi thấp hơn mức tăng 9,97% của cùng kỳ năm trước; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 21,72%, cao hơn mức tăng 13,35% của cùng kỳ năm trước.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành thủy sản đạt mức tăng cao nhất với 9,04% so cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 3,30%); ngành nông nghiệp tăng 2,61% (cùng kỳ tăng 1,05%); riêng ngành lâm nghiệp giảm 1,02% (cùng kỳ tăng 2,89%).

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành xây dựng tăng 7,75% (cùng kỳ tăng 7,85%). Điểm sáng của khu vực này là ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng cao nhất, với mức tăng 13,86% (cùng kỳ năm trước tăng 7,39%); kế đến là ngành SX và phân phối điện với mức tăng 12,43%, cao hơn mức tăng 5,80% của cùng kỳ năm trước; ngành khai khoáng tăng 9,80% cao hơn cùng kỳ (cùng kỳ năm trước giảm 16,8%); ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,07% (cùng kỳ năm trước tăng 11,24%).

Trong khu vực dịch vụ, mức tăng của một số ngành có tỷ trọng lớn như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,78% thấp hơn mức tăng 10,56% của cùng kỳ năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,91% thấp hơn mức tăng 14,4% của cùng kỳ năm trước; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 11,64% cao hơn mức tăng 9,7% của cùng kỳ năm trước; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 4,09% cao hơn mức tăng 3,01% của cùng kỳ năm trước; giáo dục và đào tạo tăng 7,21% thấp hơn mức tăng 11,21% của cùng kỳ năm trước;...

Về cơ cấu kinh tế quý I năm 2019, tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực và dần ổn định (khu vực I ngày càng giảm và khu vực II, III tăng dần qua các năm), cụ thể: Khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm tỷ trọng 39,75%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 12,04%; khu vực dịch vụ chiếm 46,87%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 1,34% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2018 lần lượt là: 40,81%; 11,47%; 46,55% và 1,17%).

**2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản**

Tình trạng biến đổi khí hậu làm thời tiết diễn biến thất thường, bên cạnh cơn bão số 01 thời điểm đầu năm (giai đoạn lúa trà đầu đang trổ bông) đã phần nào làm ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng. Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các ngành, các cấp; sự tích cực chủ động trong điều hành sản xuất cũng như đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nên kết quả sản xuất khu vực I của quý đầu năm 2019 chung toàn tỉnh có tốc độ tăng cao hơn kịch bản tăng trưởng;... điểm qua một số mặt như sau:

**2.1. Nông nghiệp**

**2.1.1. Trồng trọt**

Tính chung quý I/2019 (gồm vụ Mùa, Đông Xuân), toàn tỉnh gieo trồng được 259.090 ngàn ha, đạt 101,14% so KH và bằng 101,72% so cùng kỳ; trong đó diện tích lúa 238.658 ha, đạt 101,12% KH và bằng 101,8% và hoa màu các loại gieo trồng đạt gần 20.432 ha, bằng 103,91% so quí I/2018. Cụ thể:

- Vụ Mùa (2018-2019): Gieo trồng được 5.040 ha, tăng gấp 15 lần so KH và gấp 49 lần so vụ Mùa năm trước. Nguyên nhân do toàn bộ diện tích vụ Mùa của huyện Tịnh Biên năm trước chuyển sang sản xuất lúa 2 vụ nhưng do kém hiệu quả năm nay nông dân sản xuất trở lại. Trong đó, cây lúa xuống giống được 4.756 ha và hoa màu 284 ha ở huyện Tịnh Biên (năm trước không phát sinh diện tích hoa màu).

Đối với cây lúa, toàn tỉnh chỉ thu hoạch được 98,43% so diện tích gieo trồng (do mưa lớn kéo dài cộng với đỉnh lũ năm 2018 dâng cao đã gây thiệt hại 74,5 ha lúa mùa của huyện Tri Tôn), năng suất thu hoạch bình quân đạt 40,66 tạ/ha, tăng 24,95% (+8,12 tạ/ha); nguyên nhân tăng chủ yếu là do tăng DT sản xuất của huyện Tịnh Biên (huyện có mức năng suất cao so với mức năng suất bình quân chung toàn tỉnh). Sản lượng thu hoạch đạt 19.034 tấn, tăng gấp 57 lần (+18.700 tấn) so vụ Mùa năm trước, do diện tích tăng. Về hoa màu, năng suất của hầu hết các loại cây trồng đều đạt mức khá cao, như: Rau dưa các loại đạt 95,68 tạ/ha, sản lượng đạt 359 tấn; khoai mỳ 178,42 tạ/ha, sản lượng 1.387 tấn; củ sắn 230,43 tạ/ha, sản lượng 477 tấn; đậu phọng 35,31 tạ/ha, sản lượng 1.101 tấn; …

- Vụ Đông Xuân (2018-2019), khả năng kết thúc gieo trồng trong toàn tỉnh khoảng 254.049 lúa và hoa màu, đạt 99,49% KH và bằng 99,78% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Cây lúa: Xuống giống được 233.902 ha, đạt 99,45% KH, bằng 99,8% so cùng kỳ. Các huyện đều giảm, do thực hiện chuyển dịch sang trồng hoa màu, cây ăn quả và nuôi thủy sản; riêng huyện An Phú (+149 ha) do chuyển từ DT đậu phọng sang trồng lúa, huyện Tịnh Biên (+325 ha) do chuyển từ nền đất lúa Mùa sang.

+ Hoa màu: Toàn tỉnh thực hiện gieo trồng 20.147 ha hoa màu các loại, tăng 485 ha so vụ Đông Xuân năm trước.

Do ảnh hưởng của tình trạng biến đổi khí hậu tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, do chênh lệch nhiệt độ cao giữa ngày và đêm cao, đồng thời trà lúa đầu chịu ảnh hưởng của cơn bão số 1 cây lúa trong giai đoạn trổ bông đã phần nào tác động đến năng suất cây trồng. Từ đó, ước tính kết quả sản xuất các loại cây trồng hằng năm trong vụ Đông Xuân năm nay như sau:

Phần lớn diện tích lúa trong giai đoạn trổ và chín, đến nay toàn tỉnh đã thu hoạch gần 69,6 ngàn ha; năng suất thu hoạch ước đạt 64,2 tạ/ha, bằng 96,3% (-2,5 tạ/ha) so cùng kỳ. Năng suất thu hoạch bình quân cả vụ có thể đạt khoảng 73,04 tạ/ha, bằng 99,35% (- 0,48 tạ/ha) so cùng kỳ. Sản lượng cả vụ ước đạt gần 1,7 triệu tấn, giảm 18,9 ngàn tấn (trong đó, yếu tố diện tích giảm 7,7 ngàn tấn và yếu tố năng suất giảm 11,2 ngàn tấn). Tính chung, tổng sản lượng lúa quý I/2019 ước đạt gần 1,73 triệu tấn, bằng 99,99% (giảm 230 tấn) so cùng kỳ.

+ Hoa màu: Cùng thời gian này, toàn tỉnh còn thu hoạch được 7.789 ha hoa màu các loại, nhìn chung năng suất các loại hoa màu tương đối ổn định.

Về giá lúa, mặc dù tình hình xuất khẩu vẫn ổn định, nhưng do các doanh nghiệp đang tập trung tiêu thụ lượng hàng tồn kho, đồng thời một số tỉnh ĐBSCL đang bước vào giai đoạn thu hoạch lúa đại trà nên lượng cung hàng hóa tăng cao dẫn đến nông dân bị thương lái ép giá và giá lúa giảm so với cùng kỳ. Từ đầu tháng 3/2019, triển khai mua lúa tạm trữ theo chủ trương của Chính phủ, giá bán lúa tươi đã có tăng lên so tháng trước, dao động từ 4.600 đến 4.800 đ/kg (tăng 200 - 300 đ/kg so tháng trước và giảm 600 - 700 đ/kg so với cùng kỳ); riêng giá nếp tươi dao động từ 4.900 - 5.000 đ/kg, tăng 100-500 đ/kg so tháng trước nhưng giảm 1.000 đ/kg so cùng kỳ.

- Cây lâu năm: Những năm qua, diện tích cây lây năm của tỉnh không ngừng tăng lên nhờ nông dân thực hiện chuyển đổi cây trồng ngắn ngày sang cây ăn quả lâu năm. Đến nay, diện tích cây lâu năm hiện có khoảng 17,3 ngàn ha, tăng 13,66% (+2 ngàn ha) so với cùng kỳ và tăng khoảng 100 ha so thời điểm cuối năm 2018; trong đó, diện tích cho sản phẩm là 12.347 ha (chiếm 71,75% tổng số), tăng 13,26% (+1.446 ha) so với cùng kỳ năm trước.

Nhờ tích cực chăm sóc, chuyển đổi giống, áp dụng KHKT nên năng suất hầu hết các loại cây trồng đều tăng, sản lượng thu hoạch trong quý I/2019 đạt gần 53,2 ngàn tấn, tăng 8,69% (tăng gần 4,3 ngàn tấn), cụ thể: Xoài sản lượng đạt 32 ngàn tấn, tăng 3,7 ngàn tấn (riêng các giống xoài chất lượng Đài Loan, Cát Hòa Lộc đạt 26,5 ngàn tấn, tăng hơn 3,5 ngàn tấn so cùng kỳ); chuối 6,6 ngàn tấn (+98 tấn), riêng chuối cấy mô năng suất đạt 300 tạ/ha và sản lượng đạt hơn 1,2 ngàn tấn, giảm 200 tấn; các loại cây có múi (cam, chanh, quýt, bưởi) sản lượng đạt 670 tấn (tăng 45 tấn) so với cùng kỳ; …

**2.1.2. Chăn nuôi**

Trên địa bàn tỉnh chưa xuất hiện bệnh dịch tả heo Châu Phi, tuy nhiên, tỉnh đang thực hiện các chương trình hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh dịch tả lợn Châu Phi (theo Quyết định số 358/QĐ-UBND) bằng nhiều biện pháp. Đến giữa tháng 3/2019, ngành Thú y đã tiêm phòng 5.225 mũi vaccine cho heo; 1.306 vaccine cho trâu, bò; tiêm phòng 121,90 ngàn mũi vaccine ngừa cúm gia cầm; đồng thời, thực hiện tiêu độc sát trùng xe vận chuyển, khu vực chăn nuôi, quầy kệ bán thịt gia súc, gia cầm khu vực giết mổ 49.874 m2.

Mô hình nuôi bò vỗ béo gần đây mang lại hiệu quả không cao nên nhiều hộ đã ngưng nuôi làm cho đàn trâu-bò toàn tỉnh có xu hướng giảm, số trâu bò toàn tỉnh hiện có gần 72,5 ngàn con, bằng 86,02% hay giảm 11,8 ngàn con so cùng kỳ. Giá heo hơi hiện dao động từ 4,6 - 4,8 triệu đồng/tạ, giảm 200 - 400 ngàn đồng/tạ so tháng 02/2019; người tiêu dùng đã có tâm lý hạn chế tiêu thụ sản phẩm thịt heo do ngại dịch bệnh; ước tính, đàn heo có khoảng 108 ngàn con, bằng 100,74% so cùng kỳ. Đàn gia cầm tiếp tục phát triển ổn định nhờ thực hiện tốt công tác tiêm phòng; ước tính, đàn gia cầm có khoảng 4,2 triệu con, bằng 101,23% so cùng kỳ, trong đó, đàn gà có khoảng 1,1 triệu con, bằng 101,13% so cùng kỳ.

Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong quý I/2019 ước đạt 7.077 tấn, bằng 98,19% (giảm 130 tấn) so cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng trâu bò đạt 1.715 tấn, bằng 91,24% (-165 tấn); thịt heo 4.021 tấn (+20 tấn) và gia cầm các loại 1.291 tấn (+10 tấn) so cùng kỳ.

**2.2. Lâm nghiệp**

Trước tình trạng nắng nóng và khô hạn, tỉnh tập trung nhiều cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng; từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 3 vụ cháy cây bụi dưới tán rừng (tăng 2 vụ so với năm 2018), diện tích cây bụi bị cháy là 7.900 m2, chủ yếu do người dân bất cẩn trong sử dụng lửa. Đã phát hiện và xử lý 8 vụ vi phạm lâm Luật (tăng 5 vụ so cùng kỳ), phạt tiền 2,75 triệu đồng, tịch thu 19,478 m3 gỗ.

Tính từ đầu năm đến nay, sản lượng gỗ khai thác là 9.940 m3 bằng 98,83% (- 118 m3) và 71.980 ster củi bằng 98,43% (- 1.148 ster) so cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ củi khai thác ngày càng giảm, chủ yếu do chưa đến tuổi thu hoạch, những tháng đầu năm chủ yếu khai thác từ nguồn là tỉa thưa và chăm sóc.

**2.3. Thuỷ sản**

Sản lượng thuỷ sản quý I/2019 tiếp tục tăng khá, ước đạt 110.019 tấn, so cùng kỳ năm trước tăng 8,44%, trong đó cá đạt 107.441 tấn, tăng 8,80%; tôm đạt 6 tấn, bằng 34,69% và thủy sản khác đạt 2.572 tấn, bằng 95,48%;...gồm:

**2.3.1. Nuôi trồng**

Do xuất khẩu cá tra vào các thị trường lớn (Mỹ, Trung Quốc) bị chậm lại đồng thời lượng tồn kho nguyên liệu còn nhiều, các doanh nghiệp hạn chế mua làm giá cá tra trên thị trường giảm đáng kể. Giữa tháng 3/2019, giá cá tra nguyên liệu giảm còn 24 - 24,5 ngàn đồng/kg (loại 0,8–0,9 kg/con), từ 23,5 - 24 ngàn đồng/kg (loại 1 kg trở lên); các mức giá này giảm từ 5 - 5,5 ngàn đồng/kg so tháng 01/2019. Tuy nhiên, với mức giá này người nuôi vẫn lãi từ 500 - 1.000 đồng/kg nên diện tích nuôi mới tiếp tục phát triển.

Ước tính quý I/2019, sản lượng cá thu hoạch gần 104.902 tấn, so cùng kỳ năm trước tăng 9,2%, trong đó cá tra gần 83,7 ngàn tấn, tăng 11,02%. Diện tích cá thả nuôi mới khoảng 392 ha, bằng 106,22% so cùng kỳ.

Tình hình thời tiết khá thuận lợi nên diện tích ương nuôi cá tra giống có tỷ lệ sống cao, nguồn cung cho thị trường cũng dồi dào dẫn đến giá cá tra giống giảm, hiện nay giá cá tra giống dao động khoảng 30 - 33 ngàn đồng/kg (loại 30 con/kg), 35 - 39 ngàn đồng/kg (loại 35 con/kg), giảm 5 - 8 ngàn đồng/kg so tháng 01/2019. Tuy nhiên, nhờ đẩy mạnh phát triển sản xuất chuỗi liên kết cá tra giống 3 cấp nên sản lượng tiêu thụ ổn định, người nuôi vẫn có lợi nhuận. Ước tính, số lượng con giống sản xuất khoảng 148 triệu con, bằng 113,85% so cùng kỳ. Cộng dồn 3 tháng, số lượng con giống sản xuất khoảng 438 triệu con, bằng 113,47% so cùng kỳ.

**2.3.2. Đánh bắt**

Đang cao điểm mùa khô, khai thác thủy sản tự nhiên cũng hạn chế, sản lượng khai thác luôn có xu hướng giảm. Ước tính, sản lượng khai thác 3 tháng đầu năm nay khoảng 5,12 ngàn tấn, bằng 94,90% so cùng kỳ, trong đó sản lượng cá khoảng 2,74 ngàn tấn (chiếm 53,45%), bằng 94,41%.

**3. Sản xuất công nghiệp**

Những tháng đầu năm 2019, các doanh nghiệp luôn tìm kiếm và mở rộng thị trường. Các khu công nghiệp trong tỉnh ngày càng có nhiều doanh nghiệp, cơ sở tiểu thủ công nghiệp hoạt động sản xuất. Công tác khuyến công luôn được quan tâm,..Từ đó, hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong những tháng đầu năm tiếp tục ổn định và tăng trưởng khá.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) quý I/2018, tăng 7,95% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, ngành khai khoáng tăng 3,12%; chế biến, chế tạo tăng 8,07%; SX và phấn phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước nóng và điều hòa không khí tăng 6,94%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 13,86%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu quý I/2019 đạt mức tăng cao so cùng kỳ năm trước là: Áo sơ mi cho người lớn đạt 6,913 triệu cái, tăng 65,9% và ba lô đạt 31,6 triệu cái, tăng 44,84% (thực hiện gia công cho các công ty có vốn đầu tư nước ngoài như Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc,...do có thị trường tiêu thụ mạnh, ổn định ở thị trường Mỹ và Châu Âu nên tăng rất cao); dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế đạt 18,5 tỷ đồng, tăng 73,3%; điện thương phẩm đạt 725 triệu Kwh, tăng 8,3%; nước uống được đạt 18,4 triệu m3, tăng 6,7%; phi lê đông lạnh đạt 28.499 tấn, tăng 4,4% (do ổn định được thị trường đầu ra sản lượng sản xuất tăng); đá xây dựng khác đạt 1,167 triệu m3, tăng 3,1%;... Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm như: Gạo đã xát toàn bộ đạt 392.937 tấn, tăng 0,31%; thuốc lá có đầu lọc đạt 24,3 triệu bao, tăng 1,82%; bê tông tươi trộn sẵn đạt 40.150 m3, tăng 1,28%; giày, dép có đế đạt 3,47 triệu đôi, bằng 88,69%; thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp đạt 8.170 tấn, bằng 97%; xi măng Portland đen đạt 76.342 tấn, bằng 93,6%;...

**4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

Tính từ đầu năm đến 14/32/2019 so cùng kỳ năm trước: Toàn tỉnh có 143 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 11,72%; với vốn đăng ký 1.351 tỷ đồng, tăng 33,63%; số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,45tỷ đồng, tăng 4,2 lần so cùng kỳ. Có 101 doanh nghiệp hoạt động trở lại sau khi đăng ký tạm ngừng, bằng 79,83%. Số doanh nghiệp tự giải thể là 28, tăng 7,69%. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 118 doanh nghiệp, bằng 99,16%.

**5. Hoạt động dịch vụ**

**5.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định, do các đơn vị kinh doanh luôn thay đổi mẫu mã, duy trì nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn, giá hợp lý, luôn đẩy mạnh phương thức chăm sóc khách hàng..., nên thu hút khách hàng đến mua sắm tăng; lượng khách đến tham quan viếng chùa Bà Chúa xứ Núi Sam tăng nên tình hình mua bán các doanh nghiệp được thuận lợi đặc biệt là các doanh nghiệp bán lẻ, nhu cầu ăn uống và sử dụng dịch vụ có doanh thu tăng. Ngoài ra, Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao cũng được tổ chức trong tháng 3/2019 (từ ngày 05 - 10/3/2019) tai Long Xuyên với 350 gian hàng của 150 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Tính chung quý I/2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (DV) tiêu dùng ước đạt hơn 30.192 tỷ đồng, tăng khoảng 10,7% so cùng kỳ năm trước. Xét theo ngành hoạt động:

- Doanh thu bán lẻ hàng hoá đạt 22.267 tỷ đồng, tăng 11,09% so cùng kỳ năm trước. Phân theo nhóm ngành hàng so cùng kỳ: Lương thực, thực phẩm tăng 11,9%; hàng may mặc tăng 8,9%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 4,4%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 19,5%; gỗ và VLXD tăng 10,9%; ô tô các loại tăng 13,7%; phương tiện đi lại (trừ ôtô kể cả phụ tùng) tăng 22,8%; xăng dầu các loại tăng 5,4%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 5,6%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 5,9%; hàng hoá khác tăng 14%; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy và xe có động cơ tăng trên 18%;...

- Doanh thu DV lưu trú, ăn uống đạt 5.833 tỷ đồng, tăng 12,26% so cùng kỳ năm trước; trong đó: DV lưu trú đạt 67 tỷ đồng, tăng 11,17%; DV ăn uống đạt 5.759 tỷ đồng, tăng 12,21%; Doanh thu DV lữ hành và hoạt động du lịch đạt 7 tỷ đồng, tăng 125%.

- Doanh thu hoạt động DV đạt 2.092 tỷ đồng, tăng 4,03% so cùng kỳ năm trước (trong đó: Tăng cao nhất là DV giáo dục và đào tạo đạt 22 tỷ đồng, tăng 14,4%; DV y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 14,3%; DV kinh doanh bất động sản tăng 13,8%;... riêng DV nghệ thuật vui chơi, giải trí bằng 98,23%).

**5. Vận tải**

Ước tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải quý I/2019 đạt 1.254 tỷ đồng, tăng 11,4% so cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 500 tỷ đồng, tăng 10,61% và hàng hóa đạt 695 tỷ đồng, tăng 11,60%.

Trong quý I/2019: Vận chuyển hành khách, ước đạt 36,5 triệu lượt khách, tăng 11,7% và luân chuyển hành khách đạt 580 triệu lượt khách.km, tăng 10,8% so cùng kỳ năm trước. Vận chuyển hàng hoá, ước đạt 9,3 triệu tấn, tăng 11,3% và luân chuyển hàng hóa đạt 727 triệu tấn.km, tăng 11,3% so cùng kỳ năm trước.

**II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỄM SOÁT LẠM PHÁT**

**1. Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm**

- Số dư tiền gửi bằng VND tính theo kỳ hạn đến ngày 31/3/2019 đạt 44.424 tỷ đồng, trong đó tiền gửi có kỳ hạn đạt 40.076 tỷ đồng (trong đó tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 20.845 tỷ đồng.

Tính đến cuối quý I năm 2019: Tổng số dư vốn huy động ước thực hiện được 47.260 tỷ đồng, tăng 2,88% so cuối năm 2018 (trong đó huy động trên 12 tháng đạt 18.032 tỷ đồng). Hoạt động tín dụng, tổng dư nợ ước đạt 67.238 tỷ đồng, so cuối năm 2018 tăng 2,80% (trong đó dư nợ trung, dài hạn 20.693 tỷ đồng); nợ xấu 970 tỷ đồng (chiếm 1,44% so tổng dư nợ).

- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm quý IV/2018, Tổng thu được 914,7 tỷ đồng, tăng 3,77% so quý trước, gồm: Quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH) được 444,1 tỷ đồng, tăng 8,25% (trong đó quỹ BHXH bắt buộc được 409,8 tỷ đồng, tăng 7,83% và bảo hiểm thất nghiệp được 28,8 tỷ đồng, tăng 11,28%) và quỹ bảo hiểm y tế (BHYT) được 470,6 tỷ đồng, giảm 0,13%. Tổng chi được 704,5 tỷ đồng, tăng 2,74% so quý trước, gồm: Chi các chế độ BHXH được 363,7 tỷ đồng, giảm 2,32% (trong đó chi các chế độ BHXH bắt buộc đạt 304 tỷ đồng, giảm 0,58%) và chi khám, chữa bệnh BHYT được 340,8 tỷ đồng, tăng 8,76%.

**2. Xây dựng - Đầu tư**

**2.1. Xây dựng**

Ước quý I năm 2019, giá trị sản xuất ngành xây dựng: Theo giá hiện hành đạt 2.541 tỷ đồng, tăng 13,67% so cùng kỳ năm trước (trong đó, hộ dân cư đạt 1.403 tỷ đồng, tăng 9,52%) và theo giá so sánh ước đạt 1.772 tỷ đồng, tăng 7,75% so cùng kỳ năm trước.

Nhận định về tình hình sản xuất của doanh nghiệp: Đối với quý báo cáo, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuận lợi 18,60%, khó khăn 18,60% và không đổi là 62,79%. Đối với quý tiếp theo, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng nói chung thuận lợi 18,60%, khó khăn 20,93%, không đổi 58,14% và không biết 2,33%.

**2.2. Đầu tư phát triển**

Thực hiện vốn đầu tư phát triển toàn trên địa bàn (giá hiện hành) quý I/2019 đạt 3.240 tỷ đồng, bằng 90,19% so quý trước và so cùng kỳ năm trước tăng 25,8% (bằng 13,08% GRDP; cùng kỳ năm 2018 là 11,52%), trong đó so cùng kỳ năm trước: Vốn khu vực Nhà nước đạt 902 tỷ đồng (chiếm 27,8% tổng vốn), tăng 20,7%; vốn ngoài Nhà nước đạt 1.111 tỷ đồng (chiếm 34,30% tổng vốn), bằng 62,5% và vốn huy động khác đạt 1.226 tỷ đồng (chiếm 37,9% tổng vốn). Nhìn chung, việc thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang có nhiều thuận lợi, nhiều dự án được cấp giấy chứng nhận và đã đi vào hoạt động ổn định, giúp giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trong tỉnh, ổn định cuộc sống.

Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước quý I năm 2019 đạt 776,2 tỷ đồng, so KH bằng 20,4% và so cùng kỳ tăng 42,9%, trong đó so cùng kỳ năm trước: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 682,5 tỷ đồng, tăng 49,4% (trong đó vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 81,3 tỷ đồng, bằng 94,9%); cấp huyện đạt 93,7 tỷ đồng, tăng 8,4%.

**3. Thu, chi ngân sách nhà** nước (Từ đầu năm 2019 đến ngày 21/3/2019)

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước được 2.185 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 35,94% và so cùng kỳ đạt 124,16%, bao gồm: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 64 tỷ đồng, đạt 36,51% và đạt 165,80% và thu nội địa 2.121 tỷ đồng, đạt 35,92% và đạt 123,22%, trong đó thu cân đối 2.121 tỷ đồng, đạt 35,92% và đạt 123,24% (trong đó so cùng kỳ năm trước: Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương 66 tỷ đồng, đạt 112,1%; thu thuế ngoài quốc doanh 444 tỷ đồng, đạt 117%; lệ phí trước bạ 75 tỷ đồng, đạt 119,1%; thuế thu nhập cá nhân 150 tỷ đồng, đạt 133,1%; thu thuế BVMT 165 tỷ đồng, đạt 142,2%; thu phí, lệ phí 55 tỷ đồng, đạt 90,3%; thu tiền sử dụng đất 108 tỷ đồng, đạt 156,1%; thu xổ số kiến thiết 764 tỷ đồng, đạt 126,8%).

Tổng chi ngân sách Nhà nước địa phương đạt 3.100 tỷ đồng, so dự toán đạt 23,04% và so cùng kỳ đạt 137,53%; gồm: Chi đầu tư phát triển 1.222 tỷ đồng, đạt 30,28% và đạt 195,77%; chi thường xuyên 1.878 tỷ đồng, đạt 20,44% và đạt 115,24% (trong đó, so cùng kỳ năm trước: Chi sự nghiệp (SN) kinh tế 108,4 tỷ đồng, đạt 86,4%; chi SN GD & ĐT đạt 849,1 tỷ đồng, đạt 119%; chi SN Y tế 113,7 tỷ đồng, đạt 146,5%; chi SN nghiên cứu khoa học và Công nghệ 17,6 tỷ đồng, đạt 72,2%; chi SN Văn hóa - Thông tin 25,6 tỷ đồng, bằng 130,3%; chi bảo đảm xã hội 183,5 tỷ đồng, đạt 111,7%; chi quản lý hành chính đạt 191,9 tỷ đồng, bằng 114,7%;...).

**4. Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ**

**4.1. Xuất khẩu hàng hoá**

Nhìn chung, tình hình xuất khẩu hàng hóa trong những tháng đầu năm 2019 đang có dấu hiệu khởi sắc, nhu cầu thị trường trên thế giới dự đoán tăng cao so cùng kỳ. Trong đó, các mặt hàng chủ lực của tỉnh như gạo, cá, rau quả, may mặc… thực hiện trong quý I/2019 đều có sản lượng và kim ngạch xuất khẩu tăng.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý I/2019 ước đạt 211,8 triệu USD, bằng 23,79% so kế hoạch năm (trong đó 2 mặt hàng chủ lực của tỉnh là gạo và thủy sản tăng khá,...) và so cùng kỳ năm trước tăng 29,65%, trong đó điểm qua một số mặt hàng chủ yếu của tỉnh:

- Thuỷ sản đông lạnh: Ước xuất được 29.000 tấn, tương đương 69,6 triệu USD, so cùng kỳ đạt 8,09% về lượng và đạt 8,06% về kim ngạch (trong đó cá tra, basa được 28.208 tấn, tương đương 68,2 triệu USD; so cùng kỳ đạt 109,43% về lượng và đạt 110,16% về kim ngạch). Dự đoán xuất khẩu thuỷ sản đông lạnh trong năm 2019 tiếp tục tăng trưởng; các nước Châu Á vẫn là thị trường truyền thống tăng mạnh nhất, sẽ góp phần nâng cao sản lượng và kim ngạch xuất khẩu.

Về thị trường, thực hiện 2 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu qua 77 nước; chiếm tỷ trọng cao nhất là thị trường Châu Á, chiếm 52,27% lượng xuất khẩu trực tiếp; kế đến là Châu Mỹ chiếm 30,76%; Châu Âu chiếm 12,94% và tỷ trọng còn lại xuất khẩu qua 7 nước Châu Phi, 3 nước Châu Đại Dương. Giá cá tra xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2019, đạt 2.339,98 USD/tấn, tăng bình quân 4,09 USD/tấn; chủ yếu do giá cá nguyên liệu tăng, giá xuất khẩu phải tăng tương ứng.

- Gạo: Ước xuất được 125.000 tấn, tương đương 63,7 triệu USD, so kế hoạch năm bằng 24,5% về lượng và bằng 24,5% về kim ngạch; so cùng kỳ tăng 48,95% về lượng và tăng 54,75% về kim ngạch. Nhìn chung, tình hình xuất khẩu gạo trong 3 tháng đầu năm 2019, có tín hiệu khả quan, nhờ nhu cầu từ các thị trường truyền thống như Indonesia, Philippines, Ma laysia… và một số thị trường mới như Băng-la-đét.

Về thị trường, thực hiện 2 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu qua 38 nước; chiếm tỷ trọng cao nhất là thị trường Châu Á chiếm 84,67% trong lượng xuất khẩu trực tiếp; kế đến là Châu Phi, chiếm 12,20% trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp; tỷ trọng còn lại xuất khẩu qua 4 nước Châu Mỹ, 4 nước Châu Đại Dương, và 7 nước Châu Âu. Tính về nước nhập khẩu gạo thì Philippines là thị trường chiếm tỷ trọng cao nhất (32.431 tấn, chiếm 45,45% trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp). Kế đến là thị trường Trung Quốc (7.940 tấn, chiếm 11,13% trong tổng lượng xuất khẩu trực tiếp).

Giá gạo xuất khẩu bình quân 2 tháng đầu năm 2019, đạt 509,60 USD/tấn, tăng bình quân 22,57 USD/tấn, so cùng kỳ. Nguyên nhân tăng là do cơ cấu gạo xuất khẩu đang tiếp tục có sự chuyển dịch từ gạo cấp thấp, cấp trung bình sang gạo cao cấp, gạo chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Rau quả đông lạnh: Ước xuất đạt 2.100 tấn, tương đương 3,5 triệu USD, so kế hoạch năm bằng 22,1% về lượng và bằng 21,88% về kim ngạch và so cùng kỳ đạt 119,12% về lượng và đạt 121,11% về kim ngạch. Về thị trường, thực hiện 2 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu qua 23 nước. Qua 8 nước Châu Á, 11 nước Châu Âu, 3 nước Châu Mỹ và 1 nước Châu Đại Dương.

- Hàng dệt, may ước xuất được 22,65 triệu USD, so kế hoạch năm bằng 17,4%; so cùng kỳ tăng 7,30%.

- Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù xuất được 7,35 triệu USD, tăng 39,52% và giày dép các loại xuất được hơn 5,2 triệu USD, tăng 2,2%... so với cùng kỳ năm trước.

- Hàng hóa khác xuất đạt 32,15 triệu USD, so cùng kỳ tăng 39,32%.

**4.2. Nhập khẩu hàng hoá**

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu quý I/2019 ước đạt 37 triệu USD, so kế hoạch năm bằng 32,12% và so cùng kỳ tăng 28,13%, trong đó: Thuốc trừ sâu và nguyên liệu đạt 7,5 triệu USD, bằng 25% so KH; so cùng kỳ năm trước tăng 4,97%; vải các loại đạt 18,8 triệu USD, bằng 25% so KH; so cùng kỳ năm trước tăng 40,5%; TĂGS và nguyên liệu đạt 2 triệu USD, bằng 25% so KH; so cùng kỳ năm trước tăng 622%; hóa chất đạt 0,5 triệu USD, bằng 25% so KH; so cùng kỳ năm trước tăng 371%.

**5. Chỉ số giá**

**5.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)**

Tháng 3/2019 chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quay đầu giảm 0,45% so tháng trước, trong đó có 6 nhóm tăng, 5 nhóm giảm; tăng cao nhất là nhóm giao thông tăng 2,15% (tăng chủ yếu ở mặt hàng nhiên liệu xăng dầu tăng 5,4% so tháng trước - ngày 02/3/2019 xăng A95 tăng 879 đ/lít; xăng E5 tăng 879 đ/lít; dầu Diezel tăng 898 đ/lít; dầu hỏa tăng 664 đ/lít, do ảnh hưởng giá thế giới tăng); kế đến là nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,29% (do ảnh hưởng giá gas tăng 6,89% so tháng trước); đồ uống và thuốc lá tăng 0,21%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,12%; may mặc, mũ nón, giày dép và thiết bị và đồ dùng gia đình cùng tăng 0,05%;...Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại đều giảm như hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,37% (trong đó lương thực tăng 0,67%, thực phẩm tăng 1,65% và ăn uống ngoài gia đình tăng 1,19%); thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,02%; bưu chính, viễn thông giảm 0,11%; giáo dục tăng 0,04%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 1,14% (do giá các tour du lịch giảm sau tháng Tết nhằm kích cầu).

CPI tháng 3/2019 tăng 0,68% so tháng 12 năm trước; so cùng kỳ tăng 3,46% và CPI bình quân 3 tháng năm nay tăng 3,40% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

**5.2. Chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ**

Chỉ số giá vàng (kiểu nhẩn tròn 1-2 chỉ; vàng 99,99%) tháng 3/2019 tăng 0,35% so tháng trước; so tháng 12/2018 tăng 4,98% và so cùng kỳ tăng 0,38% (do ảnh hưởng giá thế giới). Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2019 tăng 0,06% so tháng trước; so tháng 12/2018 giảm 0,49% và so cùng kỳ năm trước tăng 2,10% (do ảnh hưởng giá thế giới).

**III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**1. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm**

- Tình hình dịch bệnh từ đầu năm đến 19/3/2019: Sốt xuất huyết có 642 ca mắc, không tử vong; so cùng kỳ năm trước bằng 150% (tăng 214 ca mắc). Tay chân miệng có 354 ca mắc, không tử vong; so cùng kỳ bằng 247,6% (tăng 211 ca mắc). Thương hàn và phó thương hàn có 1 ca mắc, không có tử vong. Từ đầu năm 2019 đến nay, không ghi nhận trường hợp ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

Tính từ đầu năm đến ngày 28/02/2019 so cùng kỳ năm trước: Số người nhiễm HIV/AIDS là 35 người, giảm 17 ca; số bệnh nhân AIDS là 18 người, tăng 1 người; số tử vong là 9 người, giảm 8 người. Lũy tích từ 1993 đến nay, số người nhiễm HIV/AIDS là 11.043 người; số bệnh nhân AIDS là 8.602 người; số tử vong là 5.411 người. Ngành y tế tiếp tục duy trì tốt các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.

**2. Hoạt động văn hoá và thể dục thể thao**

Hoạt động văn hóa trong quý I năm 2019, tập trung vào các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch chào mừng Tết Dương lịch 2019, mừng Đảng mừng Xuân Kỷ Hợi 2019, cùng các lễ hội truyền thống của địa phương, của đất nước... Bên cạnh đó, thanh tra Sở phối hợp với cơ quan chức năng triển khai các hoạt động chuyên ngành và giám sát 21 đoàn hoạt động biểu diễn trong tỉnh An Giang. Cũng trong dịp này, các hoạt động thể thao được tổ chức sôi nổi, hào hứng, thu hút trên 8.000 lượt vận động viên và đông đảo quần chúng nhân dân tham gia và cổ vũ

Các đội thể thao thành tích cao đã cử vận động viên, thi đấu các giải thể trong và ngoài nước như Taekwondo Pháp mở rộng (G1) năm 2019, Vô định Taekwondo Mỹ mở rộng (G2) năm 2019, Vô định Taekwondo học sinh toàn quốc tại Tây Ninh, Xe đạp địa hình quốc tế Dalat Victory Challenge,...Kết quả đạt 28 huy chương (12 vàng, 5 bạc và 11 đồng).

**3. Tai nạn giao thông**

Tai nạn giao thông quý I năm 2019 toàn tỉnh đã xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông (đường bộ chiếm 14 vụ), làm chết 13 người và làm bị thương 3 người. So cùng kỳ năm trước bằng 93,33% về số vụ, bằng 86,67% về số người chết và bằng 60% về số người bị thương. Tính theo mức độ của tai nạn từ nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng chiếm tỷ trọng rất cao là 100% (trong đó nghiêm trọng 14 vụ).

 **4. Phòng, chống cháy, nổ**

- Hỏa hoạn, quý I năm 2019 xảy ra 6 vụ hỏa hoạn, tăng 100% so cùng kỳ năm trước và ước giá trị thiệt hại 2,7 tỷ đồng, tăng 3,12 lần so cùng kỳ năm trước so cùng kỳ năm trước./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:* - VP. Tỉnh ủy;- VP. HĐND tỉnh; - VP. UBND tỉnh; để báo cáo - Đảng uỷ khối DCĐ;- P.ANKT, Công an tỉnh- Lưu: VT; P. TK Tổng hợp.  | **CỤC TRƯỞNG****Thiều Vĩnh An** |